TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST Ngày 02-4-2021 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Đình Nguyên
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tô Thị Lành
2. Bà Doãn Thị Lệ

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021, tại: Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 674/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020, , về: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Lê Văn D, sinh năm 1964. Địa chỉ: 02/49 đường K, Tổ 7, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- **Bị đơn:** Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1967. Địa chỉ: 02/49 đường K, Tổ 7, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Duy Ng - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Thiên Phú – Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai. Địa chỉ: 11 Trần Khánh Dư, phường Diên Hồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30–10–2019, các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Lê Văn D trình bày:

Ông Lê Văn D và bà Hoàng Thị S tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 17 tháng 7 năm 1990.

Quá trình chung sống đến nay thì vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng không có sự tôn trọng lẫn nhau, bà S có

nhiều lời nói xúc phạm tới ông D. Tình trạng này kéo dài nên dẫn đến tình cảm của ông D với bà S không còn. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên ông D chủ động sống ly thân với bà S đến nay là 01 năm. Vì vậy, ông D yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà S.

Về con chung: Ông D và bà S có 03(ba) con chung là Lê Hoàng Đ, sinh ngày 08-9-1991 và Lê Hoàng Bảo Ng, sinh ngày 10-8-1995 và Lê Hoàng Thùy Tr, sinh ngày 18-4-2002. Hiện cháu Lê Hoàng Bảo Ng và Lê Hoàng Thùy Tr đã thành niên và sống tự lập được nên ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con đối với các cháu. Riêng đối với Lê Hoàng Đ hiện đang bị bệnh tâm thần phân liệt, không có khả năng lao động nên ông D có nguyện vọng được nuôi anh Lê Hoàng Đ. Việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và các lời khai có tại hồ sơ hồ sơ, bị đơn là bà Hoàng Thị S trình bày:

Về hoàn cảnh và điều kiện kết hôn và về con chung bà S thống nhất với ý kiến ông D trình bày. Đối với con chung là cháu Lê Hoàng Đ bị bệnh Tâm thần phân liệt thể paranoid (Mã ICD-10: F20.0) đang nhập viện điều trị tại Bệnh viện Tâm thần Trung ương 2.

Bà S không đồng ý ly hôn với ông D vì vẫn còn tình cảm với ông D. Bà S cho rằng nguyên nhân dẫn đến việc ông D làm đơn ly hôn là ông D có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nay bà S tha thứ và bỏ qua lỗi lầm của ông D để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau chăm lo cho cuộc sống gia đình, lo cho các con gái đã lớn đến tuổi lập gia đình và lo cho cháu Đ đang bị bệnh tâm thần không tự nuôi sống được bản thân, lúc nào cũng cần có người bên cạnh chăm sóc. Ngoài ra, bà S hiện đang bị bệnh ung thư tuyến giáp và phải điều trị bệnh bằng phương pháp hóa trị, xạ trị. Do đó, trong thời gian bà chữa bệnh cần có sự động viên về tinh thần của ông D.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Duy Ng – Luật sư trình bày:

Hiện bà Hoàng Thị S sức khỏe không tốt đang điều trị u tuyến giáp (ung thư giai đoạn 3) nên việc ông D yêu cầu giải quyết ly hôn tại thời điểm bà S bị đau bệnh là nhằm trốn tránh trách nhiệm của người chồng đối với vợ.

Anh Lê Hoàng Đ đã đủ 18 tuổi nhưng bị bệnh tâm thần phân liệt. Anh Đ khi phát bện không thể kiểm soát được hành vi của mình nên việc chăm sóc anh Đ rất khó khăn.

Ngoài ra, ông D còn có quan hệ bất chính với bà Lục Thị Nh và chung sống như vợ chồng.

Vì vậy, nguyên nhân dẫn đến việc ông Lê Văn D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Hoàng Thị S là nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ, trách nhiệm của người chồng đối với vợ, người cha đối với con và nhằm mục đích chung sống với người phụ nữ khác. Do đó, ông D đã có hành vi bị cấm trong quan hệ hôn nhân và gia đình quy định tại điểm c khoản Điều 5 và vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông D không đưa ra được chứng cứ và tài liệu chứng minh cho yêu cầu xin ly hôn của mình là có căn cứ. Bà

S vẫn thể hiện nguyện vọng được tiếp tục chung sống cùng ông D. Do đó ông Nguyễn Duy Ng đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

* Về tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

* Về nội dung vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông D không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh vợ chồng có mâu thuẫn làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo Thông báo về việc không khởi tố vụ án hình sự số: 10/CSĐT ngày 22-02-2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Thiện thì ông D đã thực hiện hành vi bị cấm quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình. Theo các tài liệu do bà S cung cấp thì bà S bị u thùy tuyến giáp và đang điều trị, anh Lê Hoàng Đạt đã thành niên nhưng bị bệnh tâm thần không có khả năng lao động và tự chăm sóc bản thân. Việc ông D xác định vợ chồng có mâu thuẫn và làm đơn ly hôn với bà S tại thời điểm bà S và anh Đạt cần sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nên ông D đã vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đề nghị xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung của vợ chồng; bị đơn cư trú tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và xác định quan hệ tranh chấp là: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ông Lê Văn D và bà Hoàng Thị S tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hội Phú, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 17 tháng 7 năm 1990 nên quan hệ hôn nhân của ông D và bà S là hợp pháp.

[2.2] Ông D cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng không có sự tôn trọng lẫn nhau, bà S có nhiều lời nói xúc phạm tới ông D. Tình trạng mâu thuẫn này kéo dài nên dẫn đến tình cảm của ông D với bà S không còn làm cho mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên ông D chủ động sống ly thân với bà S đến nay là 01 năm. Tuy nhiên, ông D không cung cấp được chứng cứ chứng cứ chứng minh các tình tiết này.

Theo Thông báo về việc không khởi tố vụ án hình sự số: 10/CSĐT ngày 22-02-2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Thiện thể hiện trong quá trình xác minh nguồn tin báo tội phạm, chị Lục Thị Nh và ông Lê Văn D thừa nhận có quan hệ tình cảm nhưng không chung sống như vợ chồng với nhau. Vì vậy, bà S trình bày nguyên nhân dẫn đến việc ông D làm đơn ly hôn là ông D có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, ông D và bà S đều thừa nhận anh Lê Hoàng Đ, sinh ngày sinh ngày 08-9-1991 bị bệnh tâm thần. Nội dung này là phù hợp với Giấy xác nhận số 14/XN-BV ngày 02-3-2021 của Bệnh viện Tâm thần Trung ương 2. Vì vậy, có căn cứ khẳng định anh Đạt là con đã thành niên và không có khả năng tự nuôi sống bản thân.

Theo kết quả xác minh tại nơi cư trú vợ chồng ông D và bà S thì khoảng thời gian 1 năm trở lại đây vợ chồng ông D và bà S thường xuyên cãi nhau; ông D thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa ông D và bà S chỉ mới phát sinh khoảng thời gian 1 năm; nguyên nhân mâu thuẫn do lỗi của ông D không chung thủy; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ bà S trong thời gian bà S bị bệnh; không cùng bà S chăm sóc anh Đạt là con đã thành niên bị bệnh tâm thần luôn cần người chăm sóc. Trong quá tình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà S mong muốn được đoàn tụ vợ chồng để cùng chăm sóc cho con chung là anh Đạt. Do đó, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng vẫn còn khả năng khắc phục. Ông D không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà S vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Vì vậy, yêu cầu của bà S và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là có căn cứ nên được chấp nhận; Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông D đối với bà S.

[2.3] Đối với yêu cầu về con chung và yêu cầu về tài sản chung và nghĩa vụ chung, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Ông D là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn D về việc xin ly hôn đối với bà Hoàng Thị S.

2. Về án phí: Ông Lê Văn D phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng theo biên lai số 0005588 ngày 14-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Ông D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Lê Văn D và bà Hoàng Thị S có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp Pleiku;
- Chi cục THADS Tp Pleiku;
- UBND phường H
(Giấy CNKH số 25 ngày 17-7-1990);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Vũ Đình Nguyên